

BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO Ở NAM KỲ THỜI NGUYỄN

Nguyễn Thanh Lợi

Trường Cao đẳng Sư phạm TW TP.HCM

Nằm ở phía Nam và Tây Nam của đất nước, khu vực biển Nam Kỳ có ý nghĩa quan trọng trong việc phòng thủ trên biển với 2 hòn đảo có vị trí chiến lược là Côn Đảo (biển Đông) và Phú Quốc (biển Tây Nam). Đặc biệt, Phú Quốc, Hà Tiên là địa bàn hoạt động thường xuyên của bọn hải tặc, nên nó có ý nghĩa quan trọng về mặt an ninh quốc phòng. Trong lịch sử, vương triều Nguyễn đã có những biện pháp xây dựng hệ thống phòng thủ cũng như những biện pháp giữ gìn chủ quyền nơi đây.

Hệ thống các tấn, bảo ở Nam Kỳ

Đầu thế kỷ XIX là thời kỳ hải thương phát triển, các quốc gia đua nhau đi chinh phục các nước xa để làm thuộc địa bằng con đường hàng hải, những “con đường hương liệu” trên biển nở rộ trong thời kỳ này. Nhận thấy trước những nguy cơ ấy, vua Minh Mạng đã có ý thức xây dựng lực lượng bố phòng ven biển bằng chiếu dụ cụ thể: “*Nay truyền cho các tỉnh ven biển, xem xét những hòn đảo nào có dân thuộc về hạt mình, thì sai sửa sang chỉnh đốn những thuyền đánh cá đi thực mau lẹ...Rồi cấp phát cho thương trường, súng điểu sang và súng đạn, khiến cho họ đi tuần tiễu...VẬY chuẩn cho các viên được suy xét tính toán kỹ, hoặc nên đặt pháo đài, phái binh đến phòng giữ, hoặc nên mộ hương đồng ở đó để phòng vệ cho dân*”.¹

Ở 6 tỉnh Nam Kỳ, nhà Nguyễn đều bố phòng các tấn, bảo dọc ven biển, nhất là ở những địa bàn xung yếu.

Tỉnh Gia Định.

Tấn Cần Giờ: tấn thủ 1 viên, bát phẩm thư lại 1 viên, thuộc lại 3 viên, tấn binh 57 tên. Tấn Đồng Ninh: tấn thủ 1 viên, tấn binh 3 tên. Tấn Lôi Lạp (Soài Rạp): tấn thủ 1 viên, tấn binh 15 tên.

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, Tập 4, Bản dịch Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.108.

Năm 1814: tấn Cần Giờ 50 tên, tấn Lô Lạp 32 tên, tấn Đồng Ninh 18 tên. Năm 1832, tấn Cần Giờ tăng lên đủ 60 tên. Năm 1834, số binh được mộ thêm đủ 100 tên. Năm 1848, vua Tự Đức ra chỉ dụ: "Tấn Cần Giờ là cửa ngõ xứ Nam Kỳ, cho tỉnh ấy mộ tuyển binh dân trong hạt đặt làm binh tuyển phong, huấn luyện cho thông thạo, để phòng thủ được nghiêm cần".²

Tỉnh Biên Hòa.

Tấn Long Hưng: cảng phu 20 tên. Tấn Phước Thắng: tấn thủ 1 viên. Bảo Phước Thắng: biên binh đóng trường kỳ 40 tên, binh giữ phụ 10 tên. Bảo Tam Kỳ: binh đóng trường kỳ 2 tên.

Năm 1838, vua Minh Mạng ra dụ quy định phải kiểm soát các thuyền nước ngoài khi đến địa phận, phối hợp với bên tấn Cần Giờ (Gia Định) xét hỏi. Các thuyền công đi công cán ở nước ngoài về cũng phải trình báo, ghi rõ ngày giờ thuyền đến, tình hình các nhân vật trên thuyền.

Từ thời các chúa Nguyễn ở đây có *thủ Vũng Tàu*,³ tồn tại đến thời Gia Long, có một thủ ngữ và một thừa biện. Năm 1788 đặt phong hỏa đài. Năm Minh Mạng thứ 5 (1824) đổi tên thành *thủ Phước Thắng*.⁴

Về nguồn gốc hình thành 3 địa danh *Thắng Nhất, Thắng Nhì, Thắng Tam*, tài liệu lịch sử ghi: "Tháng 11-1790, miễn đao dịch cho thuộc binh và dân phụ lữ ở các đạo thủ cửa biển bốn dinh. Dinh Phiên Trấn, đạo thủ cửa biển Đồng Tranh; dinh Trấn Biên, đạo thủ Xích Lam, thuyền Kiên Nhất đội Kiên Hải thuộc binh, đạo thủ Lý Lê, ba thuyền

² Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 10, Bản dịch Viện Sử học, Hà Nội, tr.397-398.

³ Nguyễn Linh trong bài viết *Thành Phước Thắng ở Vũng Tàu* in trên tập san *Vũng Tàu du lịch bốn mùa*, tháng 12, 1996, sau được in lại trong cuốn *Bà Rịa Vũng Tàu đất và người* (Nguyễn Thị Tuyết (chủ biên) (1999), Nxb Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, tr.194) có sự nhầm lẫn khi cho rằng dưới thời Gia Long, ba đội quân được phái đến trấn thủ ở vùng đất nay là Vũng Tàu thuộc *Thuyền Úc thủ*, tức đồn Vũng Tàu. Vì *thuyền* (đơn vị quân đội cấp thấp nhất) thì thuộc cơ hoặc đội chứ không thuộc *thủ*.

⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn (1992), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 5, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.65.

Thuận Nhất, Thuận Nhị, Thuận Tam làm hải đội, thuyền Tân Nhất thuộc binh, đội Hàm Ngư, nhất thôn Thanh Chử phụ lũy, đạo thủ cửa biển Tắc Khái, thôn Tĩnh Bồng phụ lũy; đạo thủ Vũng Tàu Ghềnh Rái, ba thuyền Thắng Nhất, Thắng Nhị, Thắng Tam thuộc binh”.⁵

Năm 1836, tổng An Phú Thượng, huyện Phước An có 4 xã, 4 thôn, 1 phường, 3 thuyền. Trong đó có 3 thuyền⁶: *Thắng Nhị, Thắng Nhất, Thắng Tam*.⁷ Sau này gọi chung là *Tam Thắng*. Sử liệu cho biết, vào năm 1837, số người ở 3 thuyền Thắng Nhất, Thắng Nhị, Thắng Tam được gộp tính rồi khấu trừ đi một phần, số còn lại chọn dồn thành 4 đội, sung vào 2 vệ thuộc thủy vệ tỉnh Biên Hòa.⁸

Năm 1840, tấn Phước Thắng được xây 1 sở pháo đài với 3 cỗ đại bác, gồm 1 viên suất đội và 30 binh đinh trú đóng, mỗi tháng thay một lần, phối hợp với viên thủ ngữ phòng thủ cửa biển Vũng Tàu.⁹

Tỉnh Vĩnh Long.

Tấn Cổ Chiên: tấn thủ 1 viên, tấn binh 21 tên. Tấn Định An: tấn binh 16 tên. Tấn Tân Côn: tấn thủ 1 viên, tấn binh 12 tên. Tấn Côn Lôn, bảo Thanh Hải: tấn thủ 1 viên, bảo binh 39 tên.

⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđd, tr.266.

⁶ Thời các chúa Nguyễn, quân đội có bộ binh, thủy binh và tượng binh, chia làm thuyền, đội, cơ, dinh. Thuyền là đơn vị thấp nhất. Cơ có khi gồm nhiều thuyền hoặc nhiều đội, số thuyền và số đội của mỗi cơ không nhất định. Số lính của mỗi cơ cũng không nhất định: 260, 300, 500, có khi đến 2.700 như cơ Tiền Trung bộ. Đội chia làm nhiều thuyền, 4-5 thuyền, từ 220-500 lính. *Thuyền* thì thuộc cơ hoặc đội, 30-50 hoặc hơn 100 lính. (Phan Khoang (1967), *Việt sử xứ Đàng Trong 1558-1777*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, tr.468-469). *An Nhất thuyền* thuộc tổng Bình Cách Trung, huyện Bình An, tỉnh Biên Hòa cũng là một ví dụ về cách thức tổ chức quân sự kiêm quản nhiệm vụ hành chính như trường hợp Thắng Tam ở Vũng Tàu.

⁷ Nguyễn Đình Đầu (1994), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn Biên Hòa* (Đồng Nai, Sông Bé, Bà Rịa, Vũng Tàu), Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr.169.

⁸ Nội các triều Nguyễn (1993), Tập 9, Sđd, tr.248-249.

⁹ Nội các triều Nguyễn (1993), Tập 10, Sđd, tr.400.

Năm 1828, cửa biển Định An (thủ An Thái), giao viên thủ ngữ mộ 50 tên dân ngoài sỏ, đóng giữ thủ ấy. Năm 1830, chuẩn y cho đảo Côn Lôn xây dựng thành bảo đất, lấy 1 viên suất đội và 50 biên binh ra đóng ở đó, đổi phiên mỗi năm một lần. Năm 1837, phê chuẩn: 37 thủ binh ở Cổ Chiên đổi làm binh tấn Cổ Chiên; 3 thủ binh ở thủ Côn Lôn đổi làm tấn binh Ban Côn; 6 thủ binh ở Bãi Ngao đổi làm binh tấn Ngao Châu; 36 thủ binh ở thủ An Định đổi làm tấn binh An Thái.

Từ năm 1839, đảo Côn Lôn trước thuộc tỉnh Gia Định, nay đổi sang tỉnh Vĩnh Long. Năm 1840, tấu nghị được phê, đảo Côn Lôn đã đặt bảo Thanh Hải, xây dựng pháo đài. Từ trước đến nay, phái 80 binh đình, nay đổi phái 1 viên phó quản cơ, 1 viên suất đội, đồn đốc 50 biên binh các cơ cùng với binh bảo ấy phòng thủ, 6 tháng đổi phiên 1 lần. Và do điều kiện xa xôi, nên mỗi tháng 2 lần phái binh thuyền ở tỉnh đến thăm hỏi hoặc ít nhất vài tuần hay 1 tháng một lần.¹⁰

Tỉnh Định Tường.

Tấn Đại Hải, đồn Thừa Đức: dân phu sỏ tại 30 tên. Cửa Tiểu, đồn Từ Linh: tấn thủ 1 viên, tấn binh 15 tên. Pháo đài Cửa Tiểu: 1 viên suất đội, 50 biên binh. Tấn Ba Lai, đồn Phước Thuận: dân sỏ tại 30 tên.

Năm 1830, chuẩn cho thôn Từ Vân (Cửa Tiểu) cùng thôn Minh Đức (Cửa Đại), mỗi nơi đặt 1 đồn sỏ, mộ 100 hương dũng ở các thôn gần quanh đồn thành 2 đội, mỗi đồn 1 đội phòng thủ.

Năm 1848, chuẩn cho tấn Cửa Tiểu phải xây dựng pháo đài Cửa Tiểu, lấy 1 viên suất đội, 50 biên binh đóng giữ.¹¹

Tỉnh An Giang.

Tấn Trấn Di: tấn binh 46 tên.¹²

Tỉnh Hà Tiên.

Dãy Trường Lũy: biên binh 215 tên. Pháo đài Kim Dự và trường lũy Phù Anh: biên binh 26 tên. Sỏ Phú Quốc: thành thủ úy 2 viên, thừa biện 1 viên do biên binh đồn

¹⁰ Nội các triều Nguyễn (1993), Tập 10, Sđd, tr.401-402.

¹¹ Nội các triều Nguyễn (1993), Tập 10, Sđd, tr.402-404.

¹² Nội các triều Nguyễn (1993), Tập 10, Sđd, tr.405.

Phú Quốc kiêm giữ. Tấn Kim Dự: tấn thủ 1 viên, do biên binh pháo đài Kim Dự kiêm nhiệm. Bảo Trấn Biên: biên binh 21 tên. Bảo Giang Thành: biên binh 20 tên. Hai bảo Lu Khê, Tiên Thái, biên binh đều 15 tên. Tấn Đại Giang: tấn thủ 1 viên, dân phu 12 tên. Bốn tấn Hợp Phố, Gành Hào, Tam Giang, Nghi Giang, mỗi tấn thủ 1 viên, dân phu 5 tên.

Năm 1832, chuẩn cho: pháo đài Kim Dự 1 viên suất đội, 50 binh, 14 lính pháo thủ ở đội Tuần thành thành Gia Định; 1 viên suất đội, 50 binh ở các cơ Vĩnh Bảo, trấn Vĩnh Long; 1 viên suất đội, 50 binh ở các đội hồi lương, thú binh đồn Châu Đốc cũng viên thành thủ úy đóng giữ pháo đài, 3 tháng đổi phiên 1 lần.

Năm 1833, tiếp tục ban dụ: "Thủ sở Phú Quốc là nơi quan trọng cho quan thành Gia Định, ở sở ấy đặt làm bảo Phú Quốc, chia đặt đại bác, pháo lấy 50 biên binh ở tỉnh thay đổi phiên đến đóng giữ ở đấy, và bắt dân phu sở tại phụ giữ, liệu cấp cho khí giới, thuyền bè để phòng khi sai phái. Lại đặt 1 viên thành thủ úy, quản lĩnh binh dân tuần phòng, và sai chiêu mộ 50 tên binh đinh, gọi là đội phòng thủ bảo Phú Quốc. Khi mộ đủ thì đến giữ thay cho binh tinh phái rút về hàng ngũ trước. Mỗi năm luân chuyển 324 biên binh ở Tả cơ đến 2 bảo Phú Quốc, Hàm Ninh đóng giữ.

Năm 1837, nhận thấy vị trí xung yếu của cửa biển Kim Dự nên đã phái 1 viên quản cơ, 1 viên suất đội, 60 biên binh ở tỉnh đến trú đóng. Năm 1849, ban chỉ cho các thôn ở sở Phú Quốc, do có nhiều cù lao, nên số binh Tả cơ hơn 180 tên dồn làm 4 đội, lưu 1 viên phó quản cơ cai quản, biên binh chia làm 4 ban. Lúc bình thường thì 1 ban ở quân ngũ, khi có biến thì tất cả đều phòng thủ.¹³

Phòng chống hải tặc ở Nam Kỳ

Dưới thời Nguyễn, nạn hải tặc hoành hành thường xuyên ở nước ta, kéo dài từ Bắc đến Nam, nhà nước phải mất nhiều công sức trong việc phòng chống loại giặc biển này. Bọn hải tặc được biết với nhiều tên gọi khác nhau, như giặc Tàu Ô, giặc Chà Và, giặc Chà Bà, giặc Đồ Bà, giặc Côn Lôn... Trong đó nổi tiếng nhất là giặc Chà Và (Java), do ngày xưa chưa phân biệt rõ về địa lý và nhân chủng của khu vực, nên dùng tên gọi này

¹³ Nội các triều Nguyễn (1993), Tập 10, Sđd, tr. 409-411.

để chỉ chung những cư dân hải đảo hành nghề cướp biển có nguồn gốc từ Ấn Độ, Malaysia, Indonesia hiện nay.¹⁴

Địa bàn hoạt động của giặc Tàu Ô trải dài từ vùng biển Nhật Bản, Triết Giang, Phúc Kiến, Đài Loan, Quảng Đông, Hải Nam ở Trung Quốc đến dọc vùng biển Việt Nam từ Bắc Bộ-Nam Bộ cho đến tận eo biển Malacca.

Do vị trí quan trọng về mặt giao thương của vùng đất địa đầu, nên cửa biển Vũng Tàu là địa điểm cướp phá thường xuyên của bọn hải tặc Tàu Ô và Mã Lai, chặn đánh các thương thuyền ra vào sông Sài Gòn. Vua Minh Mạng phải cho thành lập 3 thuyền để trấn giữ cửa biển này.

Năm 1702 đã diễn ra sự kiện liên quan đến cướp biển ở Côn Đảo dưới thời Hiến Tông:”*Giặc biển là người Man An Liệt có 8 chiếc thuyền đến đậu ở Côn Lôn. Trưởng là bọn Tô Thích Già Thi có 5 người tự xưng là nhất ban, nhị ban, tam ban, tứ ban, ngũ ban cùng đồ đảng hơn 200 người, kết lập trại sách, của cải chứa đầy như núi, bốn mặt đều đặt đại bác. Trấn thủ dinh Trấn Biên là Trương Phúc Phan đem báo lên, chúa sai Phúc Phan tìm cách trừ bọn ấy.*

*Mùa đông, tháng 10 năm 1703, dẹp yên đảng An Liệt. Trước là Trấn thủ Trấn Biên Trương Phúc Phan mộ 15 người Chà Và sai làm kế trá hàng đảng An Liệt để thừa chúng sơ hở thì giết. Bọn An Liệt không biết. Ở Côn Lôn hơn một năm không thấy Trấn Biên xét hỏi, tự lấy làm đặc chí. Người Chà Và nhân đêm phóng lửa đốt trại, đâm chết nhất ban, nhị ban, bắt được ngũ ban trôi lại, còn tam ban, tứ ban thì theo đường biển trốn đi. Phúc Phan nghe tin báo, tức thì sai binh thuyền ra Côn Lôn, thu hết của cải bắt được dâng nộp. Chúa trọng thưởng người Chà Và và tướng sĩ theo thứ bậc. Tên ngũ ban thì đóng gông giải đi, chết ở dọc đường”.*¹⁵

¹⁴ Kiều Oánh Mậu (1963), *Bản triều bần nghịch liệt truyện*, Trần Khải Văn dịch, Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn, tr.35.

¹⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđd, tr.115, 117.

Tuy nhiên, trong bài viết của mình, Lê Tiến Công¹⁶ cho rằng, Trần Thuận khẳng định sự kiện này diễn ra vào đêm 3/2/1705:”Ở Côn Đảo họ bị đau ốm, lo buồn và chỉ muốn về quê nhà. Họ bí mật chuẩn bị một cuộc nổi dậy. Đêm ngày 3/2/1705, một tiếng hú man rợ vang trong rừng thẳm. Chính là những người lính hung hãn, da ngăm màu đồng hun đã vùng lên tiêu diệt bọn chủ người Anh (...). Chỉ có rất ít người chạy thoát như bác sĩ Pound và ông Salomon Liyod đang ở bên ngoài pháo đài”.¹⁷

Vùng biển Tây Nam là khu vực hải tặc Chà Và hoạt động với tần suất cao. Thời Tây Sơn và thời Nguyễn, chúng thường xuyên cướp phá ở các đảo Hòn Tre, Hòn Cau, Hòn Rái, hòn Cỏ Rồng, Phú Quốc, Hà Tiên...

Tháng 12-1792, giặc Chà Và vào đánh phá Hà Tiên, quan Bảo hộ Nguyễn Văn Nhân đem quân đánh đuổi, chúng chạy ra Hòn Cau thì gặp đoàn thuyền của Cai cơ Nguyễn Tiến Lượng và Nguyễn Văn Thoại đi xứ Xiêm La về chặn đánh, chém đầu hơn 30 tên, bắt sống 2 tên, thu được 1 chiếc thuyền.¹⁸

Tháng 8-1796, 17 chiếc thuyền của hải tặc Java kéo đến Hòn Tre, dùng 3 chiếc tam bản vào cướp ở Rạch Giá, quan quân nhà Nguyễn chặn đánh, chém 5 tên giặc, chiếm 1 chiếc thuyền, đánh chìm 1 chiếc. Vệ úy vệ Hùng võ Nguyễn Đức Xuyên đem binh thuyền của 10 vệ quân Thần sách và Tả quân chia làm 3 đội đánh úp Hòn Tre, bắt được tướng cướp và hơn 80 tên, 15 chiếc thuyền, giải thoát cho hơn 70 người dân bị hải tặc bắt.¹⁹

Mặt khác, trong thời gian bôn tẩu, với quyết tâm khôi phục ngai vàng của dòng họ, Nguyễn Ánh đã từng bắt tay với hải tặc để tăng cường sức mạnh cho mình nhằm chống lại Tây Sơn. Nguyễn Ánh giao kết với bọn cướp biển Trung Hoa trong vùng vịnh Thái Lan, tiêu biểu là nhóm Hà Hi Văn, nguyên là thành viên tổ chức Bạch Liên

¹⁶ Lê Tiến Công (2013), *Về biển cổ trên Côn Đảo đầu thế kỷ XVIII*, Tạp chí Huế xưa & nay, số 115, tháng 1-2, tr.11-12.

¹⁷ Poulou Condore, T.F.E.O, Sài Gòn, 1947, trang 7. Dẫn theo Nguyễn Đình Thống, Nguyễn Linh, Hồ Sĩ Hành (2010), *Lịch sử nhà tù Côn Đảo (1862-1975)*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr.21.

¹⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđd, tr.288-289.

¹⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđd, tr.340.

giáo, chuyên cướp bóc ở vùng biển Mân Việt, bị nhà Thanh truy đuổi phải chạy xuống Phú Quốc, Hà Tiên hoạt động. Sau khi quân Xiêm thất bại ở trận Rạch Gầm, Nguyễn Ánh lánh sang Xiêm nhưng bị đối xử lạnh nhạt, ông kéo quân về đảo Cổ Cốt trong vịnh Thái Lan. Tại đây, Nguyễn Ánh phong cho Hỉ Văn chức Quản tuần hải Đô dinh đại tướng quân; các thuộc hạ của Văn như Lương Văn Anh, Chu Viễn Quyền, Trương Bát Quan, tất cả 10 tên đều được phong các chức Khâm sai, Tổng binh, Phó kỵ úy...²⁰

Năm 1817, hải tặc Chà Và thường dựa vào các cù lao ở Hà Tiên để đánh cướp thuyền buôn. Quân triều đình bắt được rất nhiều, đóng gông mang về Kinh giết.²¹

Năm 1822, vua đã ra chỉ thị tiêu trừ bọn cướp biển ở khu vực này:”ngoài biển Hà Tiên thường có giặc Chà Và cướp bóc thuyền buôn. Trán thân nhiều lần phái binh dò bắt, ít khi bắt được. Vừa viên thủ ngữ ở Phú Quốc, nghe nói giặc đóng ở biển”, “sai bọn thứ đội trưởng đội Phú Cường Ngô Văn Đức và Nguyễn Văn Sương đem quân đi tuần bắt. Đức thác bệnh, Sương đi một mình, gặp giặc giao chiến chém được 3 đầu, lấy được một chiếc thuyền. Người đánh cá là Đặng Văn Từ cũng đem thuyền cá ra tiếp ứng, chém được 4 đầu, bắt sống 5 tên. Dư đảng giặc chạy đến bờ biển nước Chân Lạp, lại bị phiên dân bắt nộp.”²²

Năm 1823, giặc biển Chà Và cướp đảo Hòn Rái ở Hà Tiên. Lĩnh hai đội An Hải, Thanh Châu bắt sống và chém được mấy tên. Minh Mạng thưởng 100 quan tiền.²³

Năm 1825, một chiếc thuyền của bọn hải tặc Chà Và lại vào cướp phá Hòn Rái, đội trưởng các đội An Hải, Thanh Châu là Hoàng Văn Trinh đem 3 chiếc thuyền đuổi bắt, chém vài chục tên, số còn lại nhảy xuống nước chết.²⁴

²⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn (1974), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.65. Dẫn theo Huỳnh Ngọc Đáng (2014), *Sự đối phó với cướp biển Trung Hoa của triều Nguyễn*, Thông tin Khoa học Lịch sử Bình Dương, số 35, tháng 7, tr.3.

²¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Sdd, tr.958.

²² Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 3, Sdd, tr.216.

²³ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 3, Sdd, tr.298.

²⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 3, Sdd, tr.466.

Năm 1828, cướp biển Chà Và nổi lên ở hải phận Hà Tiên, bị quan quân diệt trừ hết.²⁵

Năm 1830, giặc biển cướp phá các trấn Biên Hòa, Vĩnh Thanh, Hà Tiên, Minh Mạng lệnh cho Tổng trấn Lê Văn Duyệt phái binh trừng trị. Đội trưởng các đội Phú Cường ở Phú Quốc là Nguyễn Văn Liệt, Thứ đội trưởng Nguyễn Văn Nghị đánh nhau với giặc ở đảo Cỏ Long, chém được mấy đầu, bắt hơn mười tên, thu được thuyền và súng ống.²⁶

Hải tặc Chà Và nhiều lần đánh cướp Côn Đảo, Hòn Khoai và ở vùng biển các tỉnh Nam kỳ. Tháng 8-1830, chúng đánh cướp thuyền buôn ở cửa biển Soài Rạp (ranh giới giữa Biên An và Định Tường). Tháng 9-1832, chúng tấn công hải phận tân Long Hưng (Vĩnh Long), cướp bóc của cải, bắt cóc dân chúng. Quan Trấn thủ Lê Văn Nghĩa đem binh thuyền đuổi bắt, có sự phối hợp với Trấn thủ Biên Hòa là Phạm Hữu Tâm và Thự trấn thủ Biên An là Trần Hữu Thăng. Bọn hải tặc chạy ra Côn Đảo đón cướp các thuyền buôn, đốt phá nhà cửa, cướp bóc.²⁷

Tình hình diễn biến ngày càng phức tạp, tháng 2-1836, vua Minh Mạng ra lệnh tăng cường tuần tra ở các vùng biển đảo: *"Hàng năm, thượng tuần tháng 2, ở kinh phải đi tuần biển; các tỉnh ngoài, các địa phương ven biển, cũng cứ thượng tuần tháng ấy phái binh thuyền ở tỉnh và các trấn, sở đi tuần tiểu, đến tháng 7, tháng 8 mùa nước lên thì rút về. Duy các tỉnh từ Gia Định đến Hà Tiên, cứ tháng giêng phải đi, tháng 10 rút về..."*²⁸

Vào tháng 6-1837, 3 chiếc thuyền của bọn cướp biển Chà Và đến Hòn Rái, Quản cơ Nguyễn Văn Do và Phòng thủ úy Nguyễn Toán đem quân đánh đuổi, bắt được tướng cướp là Băng Ly Ma Ô Tôn, Băng Ly Ma Cô Lý và đồng bọn 43 tên, chém 12 tên, số còn lại nhảy xuống biển chết, tịch thu hết thuyền súng và khí giới.²⁹

²⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 3, Sdd, tr.780.

²⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 4, Sdd, tr.87.

²⁷ Nguyễn Quang Trung Tiến (2013), Bdd, tr.85.

²⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn (1974), *Đại Nam thực lục*, Tập 18, Sdd, tr.57. Dẫn theo Huỳnh Ngọc Đáng (2014), *Sự đối phó với cướp biển Trung Hoa của triều Nguyễn*, Bdd, tr.5.

²⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 5, tr.106.

Dưới thời vua Tự Đức, hải tặc Trung Hoa trở thành vấn đề an ninh quốc gia nghiêm trọng cùng với sự lấn le dòm ngó của thực dân Pháp, lại thêm sự quấy nhiễu dai dẳng của bọn Thanh phi ở vùng thượng du Bắc Kỳ và sự nổi dậy của các cuộc khởi nghĩa nông dân khắp cả nước. Hoạt động của hải tặc ở giai đoạn này diễn ra thường xuyên hơn, gia tăng về quy mô, mức độ tàn nhẫn trong việc cướp bóc. Chúng không chỉ tấn công ở dưới nước mà còn cả ở trên bờ, triệt hạ cả một làng, giết chóc, hãm hiếp dân chúng mà quan quân trú phòng lân cận không dám tiếp cứu. Bọn hải tặc cướp thuyền chài, thuyền buôn, thuyền nhà nước chở hóa vật, tấn công cả thuyền quân sự và cướp luôn thuyền buôn Trung Hoa đồng hương. Địa bàn cướp trải khắp các vùng biển, từ Quảng Yên, Thuận An, Bình Thuận đến Hà Tiên, Phú Quốc. Trên các đảo chúng lập xưởng sửa chữa tàu thuyền, chế tạo vũ khí, đào giếng tích trữ nước ngọt, khai hoang, chăn nuôi gia súc. Vũ khí, phương tiện của chúng tối tân và có hỏa lực mạnh hơn triều đình. Trang bị vũ khí mua từ các lái súng châu Âu.³⁰

Tháng 5-1857, 4 chiếc thuyền của hải tặc vào quấy nhiễu ở đồn Kim Dự. Thụ tuần phủ là Lê Quang Nghiêm cùng các quan án sát, lãnh binh chia đường cùng bắt sống 43 tên, chém 51 thủ cấp.³¹

Quần đảo Hải Tặc còn gọi là quần đảo Hà Tiên, nằm trong vịnh Thái Lan, phía tây bắc là quần đảo Bà Lụa, phía Đông là đảo Phú Quốc, phía tây nam thị xã Hà Tiên, nằm giữa vùng biển từ Phú Quốc đến Hà Tiên. Quần đảo thuộc địa bàn xã Tiên Hải, thị xã Hà Tiên.

Quần đảo có tổng diện tích đất nổi là 1.100 ha, bao gồm 16 hòn đảo nằm gần nhau cách bờ biển Hà Tiên 11 hải lý và cách đảo Phú Quốc 16 hải lý. Hiện nay có khoảng 7 đảo là có cư dân sinh sống, còn lại đều là đảo hoang. Trong đó hòn lớn nhất là hòn Đốc (hòn Tre Lớn), có bia chủ quyền của Việt Nam dựng từ năm 1958. Các hòn đảo nằm rải rác trên một vùng biển dài 4,5 hải lý, rộng 2,5 hải lý, trong khoảng từ vĩ độ 10⁰15'-

³⁰ Huỳnh Ngọc Đáng (2014), *Hải tặc Trung Hoa thời vương triều Nguyễn*, Thông tin Khoa học Lịch sử Bình Dương, số 34, tháng 4, tr.21, 22.

³¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập 9, tr.526.

10⁰19’5 Bắc và kinh độ 104⁰18’5-104⁰21’ Đông. Các đảo lớn trong quần đảo là hòn Đước, Giang, Ụ, Tre Nhỏ, Tre Vinh, Gùi...

Gọi là quần đảo *Hải Tặc* (Iles des Pirates) vì vào những thế kỷ trước, bọn cướp biển người Triều Châu, Hải Nam (Trung Quốc), Mã Lai đến đây cướp phá và làm sào huyệt, tổ chức những đội ghe thuyền, để khống chế các thuyền buôn trên hải trình từ Hà Tiên- Phú Quốc-Campuchia. Đến đầu thế kỷ XX nạn cướp biển vẫn còn hoành hành ở vùng biển này với băng cướp “Cánh Buồm Đen” nổi tiếng. Trên cột buồm chúng thường xuyên treo cây chổi với ý nghĩa là quét sạch các tàu thuyền qua lại nơi đây. Vàng bạc châu báu cướp được, bọn chúng đem chôn giấu tại một số địa điểm bí mật trên quần đảo. Năm 1981, người dân hòn Đốc bắt giữ hai người nước ngoài khi họ lái thuyền đổ bộ lên sục sạo trong các hẻm núi với la bàn, bản đồ và dụng cụ dò đào vàng. Giữa các hòn đảo của quần đảo có nhiều đá ngầm, các tàu lớn không vào được nhưng vẫn là nơi trú ngụ an toàn cho các thuyền đánh cá khi có gió bão.³²

Kết luận

Các vua triều Nguyễn liên tiếp thực thi những chính sách bằng những biện pháp cụ thể như xây dựng các tấn bảo, kiện toàn lực lượng phòng vệ biển, cũng như mạnh tay trấn áp lực lượng hải phi để bảo vệ an ninh quốc phòng ở vùng biển Nam Kỳ. Tùy thực lực mạnh yếu khác nhau ở các thời điểm lịch sử, nhưng giữ vững chủ quyền trên biển đều thể hiện tính nhất quán của vương triều Nguyễn. Nghiên cứu quá trình thực thi bảo vệ chủ quyền biển đảo trong quá khứ nói chung và triều Nguyễn nói riêng, sẽ giúp ta rút ra được nhiều bài học lịch sử về công tác trị an trong đối nội và đối ngoại.

³² Nguyễn Thanh Lợi (2009), *Hải đảo ở vùng biển Tây Nam*, Tạp chí Nghiên cứu & Phát triển, số 4, tr.104; Dương Tấn Phát (chủ biên) (1986), *Tìm hiểu Kiên Giang*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Kiên Giang, tr.42; Nguyễn Quang Trung Tiến (2013), *Hải tặc trên vùng biển Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu & Phát triển, số 1, tr.90.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Bang (chủ biên) (2014), *Triều Nguyễn với công cuộc bảo vệ biển đảo Tổ quốc thế kỷ XIX*, Nxb Đà Nẵng.
2. Nguyễn Thế Trung (2013), *Quá trình xác lập và khai thác chủ quyền của các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trên vùng biển Tây Nam Bộ (từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX)*, Luận văn thạc sĩ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn TP. Hồ Chí Minh.
3. Cổ Mộ (2014), *Hải tặc ở Đàng Trong*, Tạp chí Kiến thức ngày nay, số 862, ngày 20/7.
4. Cổ Mộ (2014), *Bảo vệ chủ quyền biển đảo thời Gia Long, Minh Mạng*, Tạp chí Kiến thức ngày nay, số 863, ngày 1/8.
5. Huỳnh Ngọc Đáng (2014), *Hải tặc Trung Hoa thời vương triều Nguyễn*, Thông tin Khoa học Lịch sử Bình Dương, số 34, tháng 4.
6. Huỳnh Ngọc Đáng (2014), *Sự đối phó với cướp biển Trung Hoa của triều Nguyễn*, Thông tin Khoa học Lịch sử Bình Dương, số 35, tháng 7.
7. Nguyễn Quang Trung Tiến (2013), *Hải tặc trên vùng biển Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu & Phát triển, số 1.
8. Trần Thị Mai (2014), *Hoạt động phòng thủ trên biển của vương triều Nguyễn (1802-1884)*, Tạp chí Phát triển khoa học & công nghệ, X1, Tập 17.
9. Đỗ Bang (2014), *Triều Nguyễn với công cuộc bảo vệ biển đảo Tổ quốc vào thế kỷ XIX*, Tạp chí Huế xưa & nay, số 122, tháng 3-4.
10. Phan Khoang (1967), *Việt sử xứ Đàng Trong 1558-1777*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn.
11. Kiều Oánh Mậu (1963), *Bản triều bạn nghịch liệt truyện*, Trần Khải Văn dịch, Bộ Quốc gia Giáo dục, Sài Gòn.